**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II TOÁN – LỚP 6 Q3 23-24**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | Chủ đề 1  Phân số | Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số. |  |  |  |  | 1  (TN 1)  0,25đ |  |  |  | 32,5 |
| Các phép tính với phân số |  |  |  | 1  (TL1)  1,5đ | 1  (TN6)  0,25đ | 1  (TL3)  0,75đ |  | 1  (TL8)  0,5đ |
| **2** | Chủ đề 2  Số thập phân | Số thập phân và các phép tính với  số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm |  |  |  | 1  (TL2)  0,75đ | 2  (TN4,7)  0,5đ | 3  (TL4,5)  1,5đ |  |  | 27,5 |
| **3** | Chủ đề 4  Các hình cơ bản | Điểm. Đường thẳng. Tia | 1  (TN2)  0,25đ |  |  |  |  |  |  |  | 22,5 |
| Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng |  |  |  |  |  | 1  (TL6)  1,5đ |  |  |
| Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc | 1  (TN5)  0,25đ |  | 1  (TN3)  0,25đ |  |  |  |  |  |
| **4** | Chủ đề 5  Một số yếu tốt xác suất | Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  |  |  |  |  |  |  |  | 17,5 |
| Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  |  |  |  | 1  (TN8)  0,25đ | 1  (TL7)  1,5đ |  |  |
| **Tổng: Số câu**  **Điểm** | | | 2  0,5 |  | 1  0,25 | 2  2,25 | 4  1,25 | 4  5,25 | 0  0,0 | 1  0,5 | 17  10,0 |
| **Tỉ lệ %** | | | 5% | | 25% | | 65% | | 5% | | 100% |
| **Tỉ lệ chung** | | | **30%** | | | | **70%** | | | | 100% |

**KHUNG MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II TOÁN – LỚP 6 Q3 23-24**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/Chủ đề** | | **Mức độ đánh giá** |  | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **SỐ - ĐAI SỐ** | | | | | | | | |
| 1 | **Phân số** | Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số | ***Nhận biết:***  – Biết được quy tắc cộng, trừ phân số.  – Biết được các tính chất của phép cộng phân số.  – Biết được số đối của một phân số.  – Biết được quy tắc nhân và chia phân số.  – Biết được các tính chất của phép nhân.  – Biết được phân số nghịch đảo.  – Biết được quy tắc tìm giá trị phân số của một số cho trước và quy tắc tìm một số biết giá trị phân số của số đó.  – Biết viết hỗn số thành phân số |  | 1TN  (câu 1) |  |  |
| ***Thông hiểu:***  –Thực hiện quy đồng, rút gọn được phân số.  ***Vận dụng:***  – Thực hiện biến đổi và so sánh được các phân số. |  | 1TL  (câu 1) | 1TN  (câu 6)  1TL  (câu 3) |  |
| Các phép tính với phân số | ***Thông hiểu:***  – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).  ***Vận dụng:*** |  | 1TL  (câu 2) |  |  |
| – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...). |  |  |  |  |
| ***Vận dụng cao:***  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức tạp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...). |  |  |  | 1TL  (câu 8) |
| 2 | **Số thập phân** | Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm | ***Nhận biết:***  – Biết được cách quy các phép toán với số thập phân bất kì về các phép toán với số thập phân dương.  –Biết được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán.  – Biết được thế nào là làm tròn số; làm tròn số thập phân đến một hàng nào đó.  – Biết được thế nào là ước lượng kết quả của một phép đo, phép tính; ước lượng dùng làm gì. |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia số thập phân.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).  – Sử dụng được kí hiệu tỉ số, tỉ số phần trăm của hai số. |  | 1TL  (câu 2) |  |  |
| ***Vận dụng:***  – Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng.  – Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó.  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hoá học,...). |  |  | 2TN  (câu 4,7)  2TL  (câu 4,5) |  |
|  |  |  | ***Vận dụng cao:***  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm. |  |  |  |  |
| **HÌNH HỌC PHẲNG** | | | | | | | | |
| 3 | **Các hình hình học cơ bản** | Điểm, đường thẳng, tia | **Nhận biết:**   * Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt. * Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song. * Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng. * Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm. * Nhận biết được khái niệm tia. | 1TN  (câu 2) |  |  |  |
| Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng. Trung điểm đoạn thẳng. | ***Nhận biết:***  –Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng.  ***Thông hiểu:***  – Biết đo độ dài đoạn thẳng để xác định trung điểm của đoạn thẳng.  ***Vận dụng:***  –Giải được các bài toán liên quan đến trung điểm của đoạn thẳng. |  |  | 1TL  (câu 6) |  |
|  |  | Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được khái niệm góc, điểm trong của góc (không đề cập đến góc lõm).  – Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt).  – Nhận biết được khái niệm số đo góc. | 1TN  (câu 5) |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  –Thực hiện đo một góc bằng thước đo góc. Tìm được mối liên hệ số đo giữa các góc đặc biệt. |  | 1TN  (câu 3) |  |  |
| **MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT** | | | | | | | | |
| 4 | Một số yếu tố xác suất | Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản. | ***Thông hiểu:***  – Biết được tính không đoán trước được trong kết quả của một số trò chơi, thí nghiệm.  – Biết được một sự kiện trong trò chơi, thí nghiệm có thể xảy ra hay không.  -–Biểu diễn được khả năng xảy ra một sự kiện theo xác suất thực nghiệm. |  |  |  |  |
| Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản | ***Vận dụng:***  – Liệt kê được các kết quả có thể xảy ra trong các trường hợp cụ thể.  – Kiểm tra được một sự kiện xảy ra hay không xảy ra.  – Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  |  | 1TN  (câu 8)  1TL  (câu 7) |  |
| **Tổng** | | |  | **0,5 điểm** | **2,5 điểm** | **6,5 điểm** | **0,5 điểm** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **5%** | **25%** | **65%** | **5%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70%** | | **30%** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 3**  **TRƯỜNG TiH VÀ THCS TÂY ÚC**  **ĐỀ THAM KHẢO**  *(Đề có 03 trang)* | **ĐỀ THAM KHẢO CUỐI HỌC KỲ II**  **NĂM HỌC 2023 – 2024**  **MÔN: TOÁN – KHỐI 6**  **Thời gian làm bài:90 phút**  *(Không kể thời gian phát đề)* |

**I – Trắc nghiệm *(2 điểm)***

**Câu 1.** Khẳng định nào sau đây là khẳng định **đúng**?

1. 
2. 
3. 
4. 

**Câu 2.** Quan sát hình vẽ sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Khẳng định nào sau đây là khẳng định **sai**?   1. Ba đường thẳng AC, BD, FG cùng đi qua một điểm. 2. Điểm F nằm giữa điểm A và điểm D. 3. Điểm E nằm giữa điểm A và điểm B. 4. Ba điểm B, G, C cùng thuộc một đường thẳng. |  |

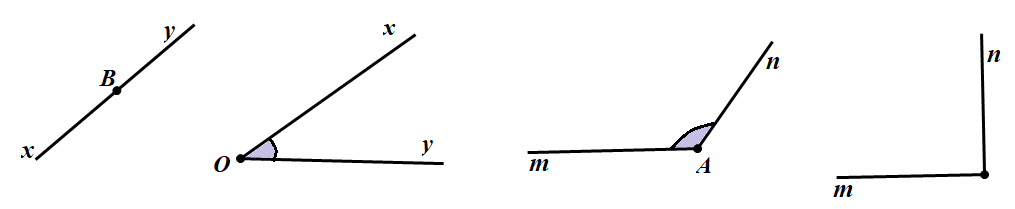
**Câu 3.** Quan sát hình vẽ bên và chọn khẳng định **đúng**.

|  |  |
| --- | --- |
|  | t      O  x  y  z |

**Câu 4.** Tỉ số phần trăm của 2 và 5 là:

1. 25%
2. 40%
3. 0,4%
4. 250%

**Câu 5.** Góc nào trong hình dưới đây là góc vuông?



1. 
2. 
3. 
4. 

**Câu 6.** Giá trị  của  là.

1. – 32
2. – 50
3. 32
4. 50

**Câu 7.** Lớp 6A có 32 học sinh. Số học sinh đạt học lực Tốt trong học kì một của lớp 6A chiếm  tổng số học sinh của lớp. Số học sinh của lớp 6A đạt học lực Tốt trong học kì một là:

**A.**30 học sinh.

**B.**8 học sinh.

**C.**6 học sinh.

**D.**26 học sinh.

**Câu 8.** Một hộp có 1 quả bóng xanh, 1 quả bóng đỏ và 1 quả bóng vàng; các quả bóng có kích thước và khối luợng như nhau. Mỗi lần bạn Yến lấy ngẫu nhiên một quả bóng trong hộp, ghi lại màu của quả bóng lấy ra và bỏ lại quả bóng đó vào hộp. Nếu bạn Yến lấy 15 lần lấy bóng liên tiếp, có 5 lần xuất hiện màu xanh thì xác suất thực nghiệm xuất hiện màu xanh là:

1. 
2. 
3. 
4. 

**II – Tự luận (8 điểm)**

**Câu 1. *(1,5 điểm)*** Tính giá trị biểu thức:

****



**Câu 2. *(0,75 điểm)*** Tính nhanh một cách hợp lí:

C = 3,25 . 5,2 + 3,25 . 3,5 – 2,25 . 8,7

**Câu 3. *(0,75 điểm)*** Tìm x, biết:



**Câu 4. *(0,5 điểm)*** Tìm a biết 25% của a là 250.

**Câu 5. *(1,0 điểm)*** Một nhà sách đang có chương trình khuyến mãi giảm 15% giá tất cả các loại sách. Tại thời điểm nhà sách đang khuyến mãi, bạn An muốn mua một số quyển sách tại đó với giá niêm yết của mỗi quyển sách là 200 000 nghìn đồng.

a) Tính số tiền bạn An phải trả nếu mua một quyển sách.

b) Biết bạn An mang theo hai tờ tiền mệnh giá 200 000 đồng và một tờ tiền mệnh giá 500 000 đồng. Hỏi bạn An có mang đủ tiền để mua 5 quyển sách không? Vì sao?

**Câu 6. *(1,5 điểm)*** Trên tia Ox lấy hai điểm M và N sao cho OM = 6cm, ON = 3cm.

1. Tính độ dài đoạn thẳng MN.
2. Điểm N có phải là trung điểm của đoạn thẳng OM không? Vì sao?

**Câu 7. *(1,5 điểm)*** Trong hộp có một số viên phấn vàng, một số viên phấn xanh, một số viên phấn đỏ. Lấy ngẫu nhiên 1 viên phấn từ hộp, xem màu rồi trả lại. Lặp lại hoạt động trên 40 lần, ta được kết quả như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Màu viên phấn | Màu vàng | Màu xanh | Màu đỏ |
| Số lần | 18 | 5 | 17 |

1. Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được viên phấn màu xanh (kết quả biểu diễn dưới dạng số thập phân)
2. Em hãy liệt kê các trường hợp có thể xảy ra khi lấy 2 viên phấn màu trong hộp?

**Câu 8. *(0,5 điểm)*** Tính:



Họ và tên thí sinh: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . SBD:. . . . . . . . . .Phòng thi:. . . .

Cán bộ coi kiểm tra không giải thích gì thêm về đề.

Học sinh không được sử dụng tài liệu.

--------------------Hết-------------------

**ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN TOÁN - KHỐI 6 - NĂM HỌC 2023 – 2024**

**ĐỀ THAM KHẢO**

**I.TRẮC NGHIỆM:** *(2,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| **Đ/án** | A | C | D | B | D | A | A | B |

**II. TỰ LUẬN:** *(8,0 điểm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 1.**  **(1,5 điểm)** |  |  |
| **Câu 2.**  **(0,75 điểm)** | *C* = 3,25 . 5,2 + 3,25 . 3,5 – 2,25 . 8,7  *C =* 3,25 . (5,2 + 3,5) – 2,25 . 8,7  *C =* 3,25 . 8,7 – 2,25 . 8,7  *C =* 8,7 . (3,25 – 2,25)  *C =* 8,7 . 1 = 8,7 |  |
| **Câu 3.**  **(0,75 điểm)** |  |  |
| **Câu 4.**  **(0,5 điểm)** | 25% của 250 là: 250. 25% = 62,5 |  |
| **Câu 5.**  **(1,0 điểm)** | 1. Số tiền bạn An phải trả để mua một quyển sách là:   200 000 . (100% - 15%) = 170 000 (đồng)   1. Số tiền bạn An phải trả để mua 5 quyển sách là:   170 000 . 5 = 850 000 (đồng)  Vì 850 000 > 200 000 + 500 000 nên An không đủ tiền mua sách. |  |
| **Câu 6.**  **(1,5 điểm)** | 1. Vì ON < OM ( 3cm < 6cm) nên N ở giữa O và M.   Ta có: ON + NM = OM  3 + NM = 6  NM = 6 – 3 = 3cm   1. Ta có: ON = NM = 3cm và N ở giữa O và M nên N là trung điểm của O và M. |  |
| **Câu 7.**  **(1,5 điểm)** | 1. Xác suất thực nghiệm của sự kiện lấy được viên phấn màu xanh là : 2. Trường hợp 1: Lấy được 2 viên phấn màu xanh.   Trường hợp 2: Lấy được 2 viên phấn màu vàng.  Trường hợp 3: Lấy được 2 viên phấn màu đỏ.  Trường hợp 4: Lấy được 1 viên phấn màu xanh, 1 viên phấn màu đỏ.  Trường hợp 5: Lấy được 1 viên phấn màu xanh, 1 viên phấn vàng.  Trường hợp 6: Lấy được 1 viên phấn màu đỏ, 1 viên phấn vàng. |  |
| **Câu 8.**  **(0,5 điểm)** |  |  |